TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 174/2019/DS-ST
Ngày : 28- 6- 2019
V/v: Tranh chấp " Hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông **Trần Văn Nhơn.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ Lệ.**
Ông **Nguyễn Đức Duy.**
- *Thư ký phiên toà*: Ông **Nguyễn Thành Phục** –Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Ngọc Hà** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-DS ngày 31/01/2019, về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị H,** sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp LHB, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị N, sinh năm 1956. Địa chỉ: ấp K2A, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Lê Thị P,** sinh năm 1966 (vắng mặt).
Ông **Đặng Văn T**, sinh năm 1963 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: ấp T1, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.
- *Người làm chứng:* Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1950. Địa chỉ: ấp LHB, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2018, các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà có tham gia nhiều dây hụi do bà P, ông T làm chủ, việc tham gia chơi hụi bắt đầu từ năm 2010, đến năm 2015 thì bà P, ông T tuyên bố bể hụi. Sau khi bể hụi bà có khởi kiện bà P, ông T về các dây hụi mà bà đã tham gia, vụ kiện đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang giải quyết bằng Bản án số: 88/2017/DS-ST ngày 28/4/2017, bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, khi bà khởi kiện thì còn 01 dây hụi bà P, ông T cho rằng chưa mãn nên bà đã rút lại yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi này.

Sau khi bà rút lại đơn khởi kiện thì bà P, ông T không tiếp tục gom hụi và tuyên bố bể hụi, vì vậy nay bà khởi kiện đối với dây hụi mà trước đây bà đã rút đơn khởi kiện, cụ thể: Dây hụi 3.000.000đồng, 03 tháng khui 01 lần, khui ngày 20/01/2013, có 27 phần, bà tham gia 02 phần, đóng được 12 kỳ thì bể hụi. Sau khi bể hụi bà bỏ thăm hốt được 01 phần với số tiền 36.000.000đồng, bà P, ông T đã giao cho bà 6.000.000đồng, còn lại 30.000.000đồng, phần thứ hai thì chưa hốt, mỗi kỳ trung bình bà đóng 1.800.000đồng, như vậy 12 kỳ hụi chưa hốt bà đóng được 21.600.000đồng, tuy nhiên nay bà chỉ yêu cầu bà P, ông T trả cho bà phần hụi chưa hốt này số tiền là 16.800.000đồng. Tổng số tiền mà bà P, ông T nợ bà là 46.800.0000đồng. Sau khi bể hụi bà đã nhiều lần yêu cầu bà P, ông T trả cho bà số tiền 46.800.000đ, nhưng bà P, ông T không thực hiện.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu bà P, ông T trả cho bà số tiền gốc mà bà đã đóng, mỗi kỳ là 3.600.000đồng cho cả hai phần hụi, bà đóng 12 kỳ là 43.200.000đồng, trừ số tiền bà P, ông T đã trả là 6.000.000đồng, còn lại 37.200.000đồng, yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 15/3/2019, bị đơn bà Lê Thị P trình bày:

Bà Lê Thị H có tham gia dây hụi như bà H trình bày trong đơn khởi kiện là đúng. Tuy nhiên sau khi bể hụi bà đã trả toàn bộ tiền vốn cho bà H với số tiền hơn 40.000.000đồng nên bà không còn nợ gì bà H nữa. Việc tổ chức hụi chỉ một mình bà làm chủ chứ ông T chồng bà không biết gì. Giấy ghi hụi do bà viết rồi phôtô giao cho các hụi viên, bà giữ bản chính, tuy nhiên do đã lâu nên bản chính không còn. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà không đồng ý.

* Bị đơn ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia hòa giải, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

* Người làm chứng bà Trần Thị B trình bày: Bà có biết bà Lê Thị H có tham gia dây hụi này vì trong danh sách hụi có tên của bà H, bà H cũng có tham gia khui hụi, còn việc bà H hốt hụi hay chưa bà không biết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá tình giải quyết vụ án. Đối với đương sự thì nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu ầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn ông Đặng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa mà vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử xác định là tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị P và ông Đặng Văn T trả số tiền nợ hụi 37.200.000đồng là có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ: Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/3/2019 của Tòa án, bà P thừa nhận bà H có tham gia dây hụi này. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ tranh chấp hụi giữa bà H với bà P, ông T mà Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã giải quyết bằng Bản án số: 88/2017/DS-ST ngày 28/4/2017 mà Tòa án đã thu thập được như: Biên bản hòa giải ngày 28/12/2016 của Tòa án; Bản tự khai ngày 27/12/2016 của bà P, ông T thì bà P, ông T đều thừa nhận dây hụi này bà H tham gia 02 phần, đã đóng được 12 kỳ và hốt được 01 phần với số tiền là

36.000.000đồng, ngày 20/7/2016 bà đã giao cho bà H 6.000.000đồng, còn một phần chưa hốt, do hụi chưa mãn nên bà không đồng ý trả.

Bà P cho rằng sau khi bề hụi đã trả cho bà H số tiền 40.000.000đồng xong nên không còn nợ là không có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ, số tiền 40.000.000đồng thể hiện trả cho các dây hụi khác mà bà H tham gia chứ không phải trả cho dây hụi mà bà H đang khởi kiện.

Bà P cho rằng việc tổ chức các dây hụi do một mình bà làm chủ, ông Thanh chồng bà không biết, cũng không có liên quan đến việc này, xét thấy lời trình bày của bà P là không có cơ sở, bởi lẽ trong các giấy ghi hụi mà bà P giao cho các hụi viên đều có ghi tên chủ hụ là Lê Thị P, Đặng Văn T, theo lời trình bay của nguyên đơn thì ông T cũng là người đứng ra gom hụi, tổ chức khui hụi, tại các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được ông T cũng thừa nhận mình là chủ hụi. Vì vậy Hội đồng xét xử cần buộc ông T liên đới cùng bà P thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị P và ông Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ cào các Điều 27, Điều 29 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

1. Buộc bà Lê Thị P và ông Đặng Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị H số tiền là 37.200.000đ (Ba mười bảy triệu hai trăm ngàn đồng), thực hiện ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lê Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị P và ông Đặng Văn T chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị P và ông Đặng Văn T phải chịu 1.860.000đ

- Hoàn lại cho bà Lê Thị H 1.170.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009316 ngày 28/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Lê Thị H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị P và ông Đặng Văn T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận th hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

ĐÃ KÝ

Trần Văn Nhơn